

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40 /2025/DSST**
Ngày: 13/3/2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM- TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết
2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Quyên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 448/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63a/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Bảo N, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp Tân Thành Th, xã Tân T, huyện M, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim Ph, sinh năm 1998. Địa chỉ: 424/1D, Trương Vĩnh Ký, ấp An Thuận A, xã M, thành phố B, tỉnh B(có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Lễ 1, xã Tân Tr, huyện M, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quyen biết nên bà Nguyễn Thị P và chồng là ông Nguyễn Văn T có vay của bà Dương Thị Bảo N số tiền 250.000.000 đồng. Ngày 15/12/2023 chị N và bà P có lập giấy vay tiền, thời hạn vay từ ngày 15/12/2023 đến ngày 15/01/2024, hai bên không thỏa thuận lãi suất vay. Ông T bà P vay tiền để xoay

sở công việc gia đình. Tuy ông T không có ký tên trong giấy vay tiền nhưng ông biết rõ và đồng ý cùng bà P vay tiền của bà N. Đến ngày 15/01/2024 ông T bà P không hoàn trả số tiền đã vay cho bà N, bà N đã nhiều lần liên hệ để đòi lại số tiền trên nhưng ông T bà P không trả. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T bà P có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn là 250.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 16/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo bản tự khai, các lời khai có trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Bà Nguyễn Thị P là vợ của ông, ông thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là của bà P. Việc bà P vay tiền của bà N lúc đầu ông không biết nhưng sau này bà P có nói với ông bà P có vay của bà N số tiền 250.000.000 đồng chưa trả, bà P vay tiền để lo cho công việc làm ăn. Bà P đang đi làm để kiếm tiền trả cho bà N. Ông đồng ý cùng bà P liên đới trả cho bà N số tiền vốn là 250.000.000 đồng, ông xin không trả lãi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị P đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

- Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung tranh chấp thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Tân Lễ 1, xã Tân T, huyện M, tỉnh B nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Dương Thị Bảo N và ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị P có xác lập quan hệ giao dịch vay tài sản. Theo đó, ông T bà P có vay của bà N số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), vay không lãi suất, thời hạn vay từ ngày 15/12/2023 đến ngày 15/01/2024, khi vay có làm giấy vay (mượn) tiền. Ông T bà P đã nhận đủ tiền nhưng khi đến hạn trả nợ nhưng ông bà không trả lại số tiền vay cho bà N là vi phạm nghĩa vụ, do đó ông bà phải có nghĩa vụ trả lại số tiền 250.000.000 đồng cho bà N.

[2.2] Về lãi suất: Bà N yêu cầu ông T bà P trả lãi chậm trả từ ngày 16/1/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Theo quy định của pháp luật thì bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, do đó bà N yêu cầu ông T bà P trả lãi với mức lãi suất là 0,83% là phù hợp với quy định nên được chấp nhận, tiền lãi được tính như sau:

250.000.000 đồng x 0,83% x 13 tháng 27 ngày = 28.842.500 đồng.

Tổng số tiền vốn và lãi ông T bà P trả cho bà N là: 250.000.000 đồng + 28.842.500 đồng = 278.842.500 đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên ông T bà P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ -UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể là: 278.842.500 đồng x 5% = 13.942.000 đồng.

Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ -UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Dương Thị Bảo N số tiền là 278.842.500 đồng (hai trăm bảy tám triệu tám trăm bốn hai nghìn năm trăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 28.842.500 đồng (hai mươi tám triệu tám trăm bốn hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.942.000 đồng (mười ba triệu chín trăm bốn hai nghìn đồng).

- Hoàn trả cho bà Dương Thị Bảo N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.769.000 đồng (sáu triệu bảy trăm sáu chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004986 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ, VP (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở

